TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2026/DS-PT
Ngày: 05/6/2026
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Ông Sỹ Danh Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 5 và ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2025/DS-ST, ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1011/2026/QĐ-PT ngày 13/5/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1;
Trụ sở: Số G phố L, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:
Phạm Văn Đ - Chủ tịch hội đồng thành viên
Người đại diện theo ủy quyền:
Nguyễn Trường T – Giám đốc - Chi nhánh T4;
Người đại diện theo ủy quyền lại:
Lê Minh K – Trưởng phòng Quản lý tín dụng;
Trần Thị Thanh T1 – Nhân viên quản lý tín dụng;
Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp (Quyết định ủy quyền số 207/QĐ-TGG ngày 25/12/2025).

2. Bị đơn: Lê Mỹ C, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đoàn Thị L, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Số B Ấp B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Trương Quốc T2, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số D - T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*. *Người kháng cáo:* Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1; bị đơn Lê Mỹ C.

Tại phiên tòa, có mặt anh Lê Minh K, chị Lê Mỹ C và bà Đoàn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1, có người đại diện chị Trần Thị Thanh T1 trình bày:*

Ngày 28/7/2014, chị Lê Mỹ C có ký kết hợp đồng tín dụng số 0093473801T14009 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) với số tiền vay 30.000.000đồng, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày 06/8/2014 đến 06/8/2016, mục đích vay: Vay tiêu dùng trả góp, lãi suất vay trong hạn 8,5%/năm, lãi suất vay quá hạn 12,75%/năm. Quá trình vay từ ngày 06/8/2014 đến ngày 17/5/2018, chị Lê Mỹ C chỉ trả được tổng số tiền 30.706.025 đồng, trong đó: Vốn 25.906.968 đồng, lãi trong hạn 3.978.000đồng, lãi quá hạn 821.057đồng. Do chị Lê Mỹ C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ ngày 04/6/2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/3/2025, tổng số tiền chị Lê Mỹ C còn nợ là 12.266.526 đồng, trong đó: Vốn 4.093.032 đồng, lãi trong hạn 1.122.000 đồng, lãi quá hạn 7.051.494 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu chị Lê Mỹ Chi T3 cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 tổng số tiền còn nợ (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 24/3/2025 là 12.266.526 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/3/2025 đến ngày chị Lê Mỹ Chi T3 hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/7/2014.

Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Mỹ C trình bày: Chị thừa nhận có ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/7/2014 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1), số tiền vay là 30.000.000 đồng thời hạn vay 02 năm đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, tổng số tiền vốn và lãi chị đã trả cho Ngân hàng hơn 40.000.000 đồng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, chị có đến Ngân hàng thì được xem tờ sao kê của Ngân hàng mới phát hiện số tiền chị đã đóng có những phiếu nhân viên Ngân hàng đã thu nhưng không có trong sao kê cụ thể:

Ngày 04/11/2015:Thu 1.500.000đồng (người thu Huỳnh Thanh S);

Ngày 24/4/2016: Thu 1.500.000đồng (người thu Huỳnh Thanh S);

Ngày 26/7/2016: Thu 1.500.000đồng (người thu Huỳnh Thanh S);

Tháng 8, tháng 9/2016: Thu 02 tháng 3.000.000đồng (người thu Huỳnh Thanh S);

Ngày 20/10/2016: Thu 1.500.000đồng (người thu Huỳnh Thanh S);

Ngày 01/3/2017: Thu 3.000.000đồng (người thu Nguyễn Thị Cẩm N);

Ngày 28/9/2017: Thu 2.000.000đồng (người thu Huỳnh Thanh S);

Tổng số tiền theo các phiếu thu này là 14.000.000đồng. Tất cả các phiếu thu do anh Huỳnh Thanh S và chị Nguyễn Thị Cẩm N thu, người nộp tiền là mẹ chị bà Đoàn Thị L nhưng không có trong sao kê.

Nay chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng do số tiền chị đã nộp cho Ngân hàng nhiều hơn số nợ chị đã vay.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L trình bày: Bà là mẹ của chị Lê Mỹ C, bà thống nhất ý kiến chị C. Ngoài ra, đối với biên bản làm việc ngày 21/11/2017 do Ngân hàng cung cấp không phải là chữ ký của bà, bà không thừa nhận. Quá trình trả nợ nhân viên Ngân hàng nhiều lần đến nhà bà nhưng đều nói miệng không có làm biên bản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Chị với anh Huỳnh Thanh S là đồng nghiệp cùng làm việc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) trong khoảng thời gian từ cuối năm 2009 đến khoảng năm 2017. Anh chị là nhân viên Ngân hàng, có ký hợp đồng lao động với ngân hàng, theo hợp đồng anh chị phụ trách tín dụng, trong quá trình làm việc vào tháng 3/2017, lúc đó chị đi công tác ngang nhà khách hàng chị Lê Mỹ C và được anh S nhờ thu giúp khoản tiền vay của khách hàng này nên chị có thu hộ số tiền 3.000.000đồng, người nộp tiền chị không nhớ tuy nhiên theo giấy nộp tiền kiêm bảng kê ngày 01/3/2017 do Toà án cung cấp đúng là chữ ký của chị. Sau khi nhận tiền của khách hàng chị đã giao lại ngay cho anh S, còn việc anh S có nộp tiền vào tài khoản của khách hàng để hạch toán thu nợ vay hay không thì chị không rõ. Do việc giao tiền giữa chị và anh S không có làm biên bản và chị cũng không gặp được anh S để trao đổi về số tiền này nên nay Ngân hàng và chị C có tranh chấp liên quan đến việc trả nợ vay của chị C, chị đồng ý hoàn trả lại số tiền này cho chị Lê Mỹ C hoặc Ngân hàng tuỳ theo thoả thuận của chị C và Ngân hàng. Đối với số tiền này nếu gặp được anh S chị sẽ thoả thuận với anh S, nếu không thoả thuận được chị sẽ yêu cầu giải quyết sau bằng một vụ kiện khác. Đối với toàn bộ các phiếu thu tiền (Phiếu nộp tiền kiêm bảng kê) do chị C giao nộp cho Toà án chị đã xem qua thì chữ ký của người lập phiếu anh Huỳnh Thanh S đúng là chữ ký của anh S (về nguyên tắc người lập phiếu là người thu tiền). Đối với mẫu Phiếu nộp tiền kiêm bảng kê đúng là mẫu phiếu thu tiền của Ngân hàng Đ1 phát hành tại thời điểm đó. Về nơi cư trú hiện nay của anh S chị không biết do đã không còn liên lạc khoảng 02 năm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Quốc T2 trình bày: Trước đây anh là nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1). Trong quá trình làm việc vào khoảng năm 2017, năm 2018, anh có đến nhà khách hàng chị Lê Mỹ C để xử lý khoản nợ quá hạn, tuy nhiên khi anh đến nhà chị C chỉ gặp mẹ chị là bà L, sau khi gặp có thoả thuận hàng tháng sẽ đến nhà bà L để thu tiền, lý do bà L, chị C không đến Ngân hàng để nộp tiền được, số lần đóng tiền anh không nhớ do thời gian đã lâu, khi nhận tiền từ bà L anh có lập phiếu thu ghi tên người nộp là cô L, nội dung đóng tiền cho chị C, sau khi thu tiền anh trực tiếp nộp lại tiền cho bộ phận quản lý tín dụng. Toàn bộ các lần thu tiền của anh, anh đã nộp lại đầy đủ cho bộ phận quản lý tín dụng. Do vậy, sự việc tranh chấp giữa các bên không liên quan đến anh, anh không có ý kiến. Đối với mẫu Phiếu nộp tiền kiêm bảng kê đúng là mẫu phiếu thu tiền của Ngân hàng Đ1 phát hành tại thời điểm đó. Anh có biết anh Huỳnh Thanh S do là đồng nghiệp cũ nhưng hiện nay anh không biết anh S ở đâu.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2025/DS-ST, ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - tỉnh Đồng Tháp đã Quyết định:

Căn cứ vào: Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1.

Ghi nhận chị Lê Mỹ Chi T3 cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 số tiền 2.215.032đồng (hai triệu hai trăm mười lăm ngàn không trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị Lê Mỹ C chậm thi hành án thì chị Lê Mỹ C còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 phải chịu 366.628đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 307.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12787 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp). Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 còn phải nộp 59.628đồng.

Chị Lê Mỹ C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 06/01/2026, nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 kháng cáo với nội dung: Bà Lê Mỹ C phải trả cho Ngân hàng tổng cộng 9.547.598 đồng trong đó nợ gốc 1.093.032 đồng, lãi trong hạn 1.122.000 đồng và lại quá hạn 7.33.566 đồng và chị C phải tiếp tục trả lại phát sinh tại giấy đăng ký vay tiền trả góp, kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết nợ tại V;

Ngày 09/01/2026, bị đơn Lê Thị C1 kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/5/2026:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Chị Lê Mỹ C phải trả cho Ngân hàng tổng cộng 9.547.598 đồng trong đó nợ gốc 1.093.032 đồng, lãi trong hạn 1.122.000 đồng và lại quá hạn 7.33.566 đồng và chị C phải tiếp tục trả lại phát sinh tại giấy đăng ký vay tiền trả góp, kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết nợ tại V;

Bị đơn Lê Thị C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của người kháng cáo và biên lai nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm thì người kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn, bị đơn có mặt, đương sư còn lại vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu

hạn một thành viên S1 và bị đơn Lê Mỹ C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 yêu cầu chị Lê Mỹ Chi T3 cho Ngân hàng tổng số tiền vay và lãi 9.547.598 đồng, trong đó nợ gốc 1.093.032 đồng, lãi trong hạn 1.122.000 đồng, lãi quá hạn 7.332.566 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 27/12/2025 cho đến khi chị Chi trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn thoả thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/7/2014, nhận thấy:

Ngày 28/7/2014, chị Lê Mỹ C có ký kết hợp đồng tín dụng số 0093473801T14009 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) với số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày 06/8/2014 đến 06/8/2016, mục đích vay: Vay tiêu dùng trả góp, lãi suất vay trong hạn 8,5%/năm, lãi suất vay quá hạn 12,75%/năm;

Theo đại diện Ngân hàng cho rằng tính đến ngày 17/5/2018 (lần trả tiền cuối cùng của chị C), tổng số tiền gốc và lãi chị C phải trả Ngân hàng là 38.422.342 đồng;

Căn cứ các phiếu nộp tiền kiêm bảng kê do chị C giao nộp thể hiện tổng số tiền gốc và lãi chị C đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 17/5/2018 là 44.000.000 đồng;

Các phiếu nộp tiền kiêm bảng kê do chị C cung cấp được đại diện Ngân hàng thừa nhận là của Ngân hàng phát hành nhưng không hợp lệ;

Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của chị Nguyễn Thị Cẩm N, anh Trương Quốc T2 đều là nhân viên Ngân hàng tại thời điểm phát sinh và thực hiện hợp đồng giữa chị C với Ngân hàng đều thừa nhận các phiếu nộp tiền kiêm bảng kê là hợp lệ, đúng với mẫu Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) phát hành tại thời điểm thu tiền;

Đại diện Ngân hàng cho rằng việc nhân viên Ngân hàng thu tiền không có quyết định phân công của lãnh đạo Ngân hàng và phiếu thu không có đầy đủ chữ ký theo quy định đối với chứng từ thanh toán nên không hợp lệ tuy nhiên chị N, anh T2 là nhân viên Ngân hàng đều thừa nhận quá trình làm việc tại ngân hàng A cũng từng thực hiện việc thu nợ ngoài trụ sở, không có quyết định phân công và phiếu thu tại thời điểm thu tiền cũng chỉ có chữ ký của bên thu, bên nộp, trong đó có lần thu tiền tại nhà khách hàng đối với khoản vay của chị C, anh T2 sau khi thu tiền đã nộp lại cho Ngân hàng và việc thu nộp của những lần thu này của anh T2 được Ngân hàng chấp nhận;

Đại diện Ngân hàng thừa nhận từ ngày 04/6/2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của chị C sang nợ quá hạn, tính đến ngày Ngân hàng có đơn khởi kiện ngày 24/3/2025 là gần 06 năm nhưng Ngân hàng hoàn toàn không có một văn bản thông báo hay bất kỳ biên bản làm việc nào đối với chị C về khoản vay quá hạn;

Do vậy, việc nhân viên của Ngân hàng đã thu tiền của khách hàng nhưng không hạch toán hợp lệ không phải do lỗi của khách hàng mà là lỗi của Ngân hàng trong vấn đề quản lý, kiểm soát nên nay Ngân hàng yêu cầu chị C phải trả toàn bộ số tiền vay và lãi quá hạn mà thực tế chị C đã thanh toán là không phù hợp;

Tại phiên toà sơ thẩm, chị C xác định cũng có một phần lỗi trong quá trình thực hiện việc trả nợ vay nên chị C đồng ý trả số tiền gốc và lãi trong hạn cho Ngân hàng tổng cộng là 2.215.032 đồng;

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận chị Lê Mỹ Chi T3 cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 số tiền 2.215.032 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa cấp phúc phẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo.

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 và bị đơn chị Lê Mỹ C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 169/2025/DS-ST, ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - tỉnh Đồng Tháp;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1.

Chị Lê Mỹ C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 số tiền 2.215.032 đồng (hai triệu hai trăm mười lăm ngàn không trăm ba mươi hai đồng);

Kể từ ngày Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 có đơn yêu

cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị Lê Mỹ C chậm thi hành án thì chị Lê Mỹ C còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 phải chịu 366.628 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 307.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12787 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp). Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 còn phải nộp 59.628 đồng.

Chị Lê Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000967 ngày 15/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001079 ngày 16/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận**:*
- TPTTANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu